

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ  
PHÚC YÊN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Huy Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đặng Văn Vịnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên
Bà Phan Thu Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Phú	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Huy Hải	Giám đốc
Ông Đặng Văn Vịnh	Phó Giám đốc

#### **Ban kiểm soát**

Bà Đặng Bích Vân	Trưởng ban
Ông Vũ Khắc Thuận	Thành viên
Ông Ngô Xuân Nhận	Thành viên

#### **Kế toán trưởng**

Bà Nguyễn Thị Huệ	Trưởng phòng Tài chính kế toán
-------------------	--------------------------------

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, kể từ ngày 01/08/2017 Công ty áp dụng Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.



**Nguyễn Huy Hải**

**Giám đốc**

*Phúc Yên, ngày 28 tháng 03 năm 2018*

Số: 186 /2018/UHY - BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên  
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 03 năm 2018, từ trang 6 đến trang 29 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty.

Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Phúc Yên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A handwritten signature in blue ink, appearing to be "Mai Việt Hùng".

**Nguyễn Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0666-2018-112-1

**Mai Việt Hùng**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 2334-2018-112- 1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>31.755.258.688</b>	<b>26.537.830.834</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.166.981.088	919.974.015
Tiền	111		4.166.981.088	919.974.015
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.185.076.659	23.891.431.231
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	25.545.173.824	20.310.622.695
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		64.056.000	34.056.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.575.846.835	3.546.752.536
Hàng tồn kho	140		142.176.132	1.104.203.155
Hàng tồn kho	141	8	142.176.132	1.104.203.155
Tài sản ngắn hạn khác	150		261.024.809	622.222.433
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	261.024.809	322.844.836
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	-	299.377.597
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>26.945.073.457</b>	<b>27.751.992.196</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		24.158.922.283	20.699.819.673
Tài sản cố định hữu hình	221	9	24.158.922.283	20.699.819.673
- Nguyên giá	222		87.752.327.951	85.755.126.741
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.593.405.668)	(65.055.307.068)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.463.500.878	6.154.468.978
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	2.463.500.878	6.154.468.978
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		322.650.296	897.703.545
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	322.650.296	897.703.545
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>58.700.332.145</b>	<b>54.289.823.030</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>14.965.337.368</b>	<b>11.603.834.069</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>14.965.337.368</b>	<b>11.603.834.069</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	8.211.123.097	6.701.631.597
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		111.159.000	2.094.088.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.527.028.558	260.640.081
Phải trả người lao động	314		2.322.495.560	227.651.547
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	287.440.745	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	1.613.769.142	800.541.578
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		892.321.266	1.519.281.266
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>43.734.994.777</b>	<b>42.685.988.961</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>25.008.146.524</b>	<b>23.949.766.064</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.739.850.000	20.739.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.739.850.000	20.739.850.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.681.022.925	2.681.022.925
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.587.273.599	528.893.139
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		528.893.139	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.058.380.460	528.893.139
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>18.726.848.253</b>	<b>18.736.222.897</b>
Nguồn kinh phí	431		2.150.094.000	6.045.565.644
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		16.576.754.253	12.690.657.253
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>58.700.332.145</b>	<b>54.289.823.030</b>

Phúc Yên, ngày 28 tháng 03 năm 2018

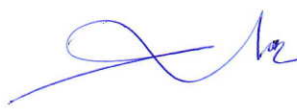
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Vũ Khắc Hòa



Nguyễn Thị Huệ



Nguyễn Huy Hải



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	45.999.952.059	50.199.276.610
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>45.999.952.059</b>	<b>50.199.276.610</b>
Giá vốn hàng bán	11	17	39.183.470.284	44.073.570.275
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>6.816.481.775</b>	<b>6.125.706.335</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	89.027.910	125.525.566
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	5.460.235.037	5.554.125.032
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.445.274.648</b>	<b>697.106.869</b>
Thu nhập khác	31	20	478.990.832	16.175.524
Chi phí khác	32	21	351.606.798	36.466.005
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>127.384.034</b>	<b>(20.290.481)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.572.658.682</b>	<b>676.816.388</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	514.278.222	147.923.454
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>1.058.380.460</b>	<b>528.892.934</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	510	255
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	24	510	255

Người lập biểu

Vũ Khắc Hòa

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Huệ

Phúc Yên, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Giám đốc



Nguyễn Huy Hải

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		41.449.942.844	48.054.151.573
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(25.457.919.775)	(38.928.374.200)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(10.705.187.472)	(13.038.859.292)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		-	(390.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		4.008.228.130	1.268.703.420
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(5.668.463.554)	(9.311.307.219)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3.626.600.173</b>	<b>(12.345.685.718)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(468.621.010)	(338.647.100)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		89.027.910	73.180.381
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(379.593.100)</b>	<b>(265.466.719)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.211.768.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(1.211.768.400)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>3.247.007.073</b>	<b>(13.822.920.837)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>919.974.015</b>	<b>14.742.894.852</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>4.166.981.088</b>	<b>919.974.015</b>

Phúc Yên, ngày 28 tháng 03 năm 2018


Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Vũ Khắc Hòa



Nguyễn Thị Huệ



Nguyễn Huy Hải

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Môi trường Và Công trình Đô thị Phúc Yên là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 2500144243 ngày 17/11/1999. Ngày 04/09/2014 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 06, đường Quốc lộ 2, Làng Mới, phường Hùng Vương, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 20.739.850.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi tỷ, bảy trăm ba mươi chín triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng./.*).

Tổng nhân viên tại ngày 31/12/2017 là 191 người (tại ngày 31/12/2016 là 216 người).

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

*Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký của Công ty bao gồm:*

- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng đường giao thông nội thị, vỉa hè đường bộ và hệ thống nước đô thị;
- Phun nước chống bụi đường trên các tuyến đường;
- Quản lý, sửa chữa, vận hành lưới điện chiếu sáng công cộng, đèn trang trí, đèn tín hiệu giao thông các khu vực công ty được giao quản lý;
- Trồng, tu bổ vườn hoa, công viên, cây xanh, dịch vụ hoa tươi, cây cảnh, trang trí, urom cây giống;
- Xây dựng công trình đường dây điện tới 35KV và trạm biến áp đến 560KVA;
- Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt công trình điện chiếu sáng công cộng, công trình nước sinh hoạt;
- Dịch vụ trông, rửa, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện giao thông đường bộ;
- Quản lý nghĩa trang liệt sỹ, nghĩa trang nhân dân và dịch vụ tang lễ;
- Thu gom, vận chuyển xử lý chất thải lỏng;
- Xây dựng, sửa chữa nhà ở và các công trình dân dụng, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Dịch vụ cho thuê xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ bằng ô tô.

*Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là:*

Duy trì vệ sinh môi trường, Thu gom rác thải, thoát nước và xử lý nước thải, hoạt động dịch vụ phục vụ lễ tang, xây dựng công trình công ích (Quản lý, duy tu, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan (Quản lý, vận hành hệ thống: thoát nước, công viên cây xanh, chiếu sáng công cộng, trang trí đô thị, tín hiệu giao thông), vệ sinh nhà cửa và các công trình khác.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: **Dịch vụ môi trường đô thị, xây dựng.**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi thông tư 200) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.4 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**3.5 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời gian sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 3 năm. Các chi phí đã chi trước cho hoạt động kinh doanh nhưng liên quan đến việc tạo ra doanh thu của nhiều năm tại chính Công ty ghi nhận là các khoản chi phí trả trước và tiến hành phân bổ tương ứng với số năm khai thác được doanh thu.

**3.6 NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

**3.7 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**3.8 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.9 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, các bên liên quan của Công ty là bao gồm các cổ đông góp vốn, các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm 2017 được Công ty trình bày tại thuyết minh số 27.1.

**3.10 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	360.329.972	12.803.515
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.806.651.116	907.170.500
	<b>4.166.981.088</b>	<b>919.974.015</b>

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>261.024.809</b>	<b>322.844.836</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	261.024.809	322.844.836
<b>Dài hạn</b>	<b>322.650.296</b>	<b>897.703.545</b>
- Chi phí bằng tiền chờ phân bổ	322.650.296	897.703.545
	<b>583.675.105</b>	<b>1.220.548.381</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ PHÚC YÊN**  
Số 06, đường Quốc lộ 2, Làng Mới, phường Hùng Vương, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>25.545.173.824</b>	-	<b>20.310.622.695</b>	-
- Phòng tài chính Thị xã, Phòng Quản lý đô thị Công ích	22.934.509.524	-	16.832.063.095	-
- Công trình điện CSCC các ngõ thuộc các phường năm 2014	408.393.000	-	1.211.203.000	-
- Công trình điện CSCC đường Lê Quang Đạo	446.053.000	-	451.616.000	-
- Các đối tượng khác	1.756.218.300	-	1.815.740.600	-
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-	-	-
	<b>25.545.173.824</b>	-	<b>20.310.622.695</b>	-

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

**7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.575.846.835</b>	-	<b>3.546.752.536</b>	-
- Phải thu về cổ phần hóa ngắn hạn	203.655.000	-	82.165.000	-
- Tạm ứng cho nhân viên	90.899.250	-	164.729.250	-
- Ký cược, ký quỹ	1.200.000.000	-	3.227.114.722	-
- Phải thu khác	81.292.585	-	56.804.769	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-	15.938.795	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
	<b>1.575.846.835</b>	-	<b>3.546.752.536</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÓ THỊ PHÚC YÊN**

Số 06, đường Quốc lộ 2, Làng Mới, phường Hùng Vương, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	64.927.278	-	123.204.547	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	77.248.854	-	980.998.608	-
	<b>142.176.132</b>	<b>-</b>	<b>1.104.203.155</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÓ THỊ PHÚC YÊN**

Số 06, đường Quốc lộ 2, Làng Mới, phường Hùng Vương, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2017	8.462.009.650	177.224.545	21.600.527.191	262.259.500	55.253.105.855	85.755.126.741
- Tăng khác	561.570.610	-	-	-	3.886.097.000	4.447.667.610
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.450.466.400)	-	-	(2.450.466.400)
31/12/2017	9.023.580.260	177.224.545	19.150.060.791	262.259.500	59.139.202.855	87.752.327.951
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
01/01/2017	(2.428.667.056)	(143.335.810)	(19.702.859.600)	(217.996.000)	(42.562.448.602)	(65.055.307.068)
- Khấu hao trong năm	(386.330.500)	(18.485.000)	(574.149.500)	(9.600.000)	-	(988.565.000)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.450.466.400	-	-	2.450.466.400
31/12/2017	(2.814.997.556)	(161.820.810)	(17.826.542.700)	(227.596.000)	(42.562.448.602)	(63.593.405.668)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2017	6.033.342.594	33.888.735	1.897.667.591	44.263.500	12.690.657.253	20.699.819.673
31/12/2017	6.208.582.704	15.403.735	1.323.518.091	34.663.500	16.576.754.253	24.158.922.283

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là: 46.597.310.674 đồng.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ PHÚC YÊN**  
Số 06, đường Quốc lộ 2, Làng Mới, phường Hùng Vương, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>				
- Công trình mương thoát nước phường Trưng Trắc	1.065.320.000	1.065.320.000	1.065.320.000	1.065.320.000
- Công trình điện CSCC đường Trần Phú	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000
- Công trình chợ trung tâm thị xã Phúc Yên	923.465.800	923.465.800	923.465.800	923.465.800
- Công trình điện CSCC ngõ xóm thị xã Phúc Yên GD 2	-	-	3.690.968.000	3.690.968.000
- Công trình khác	74.715.078	74.715.078	74.715.178	74.715.178
	<b>2.463.500.878</b>	<b>2.463.500.878</b>	<b>6.154.468.978</b>	<b>6.154.468.978</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÓ THỊ PHÚC YÊN**

Số 06, đường Quốc lộ 2, Làng Mới, phường Hùng Vương, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.211.123.097</b>	<b>8.211.123.097</b>	<b>6.701.631.597</b>	<b>6.701.631.597</b>
- Cơ sở cây cảnh cây xanh Tân Phúc Vương	2.060.288.880	2.060.288.880	1.277.381.833	1.277.381.833
- Trung Tâm Hoàng Phát	1.865.007.957	1.865.007.957	867.593.894	867.593.894
- Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	692.631.000	692.631.000	629.664.000	629.664.000
- Công ty Cổ phần Thiết bị môi trường Cao Thanh Đạt	451.518.306	451.518.306	650.000.000	650.000.000
- Công ty TNHH thiết kế xây dựng và thương mại Sóc Sơn	-	-	774.981.788	774.981.788
- Công ty Cổ phần Việt phát Hà Nội	228.185.960	228.185.960	307.373.392	307.373.392
- XN xây dựng TM Nghĩa Bình	3.482.000	3.482.000	177.089.950	177.089.950
- Trung tâm 3M	2.910.008.994	2.910.008.994	3.482.000	3.482.000
- Các đối tượng khác	-	-	2.014.064.740	2.014.064.740
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>8.211.123.097</b>	<b>8.211.123.097</b>	<b>6.701.631.597</b>	<b>6.701.631.597</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ PHÚC YÊN**

Số 06, đường Quốc lộ 2, Làng Mới, phường Hùng Vương, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu/phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp (*)	260.640.081	2.940.806.311	1.893.504.926	1.307.941.466
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(299.377.597)	514.278.222	-	214.900.625
- Thuế thu nhập cá nhân	-	15.736.080	11.549.613	4.186.467
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	114.204.690	114.204.690	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	171.618.819	171.618.819	-
	<b>(38.737.516)</b>	<b>3.759.644.122</b>	<b>2.193.878.048</b>	<b>1.527.028.558</b>

(\*) Trong đó, thuế GTGT khấu trừ giữa đầu vào và đầu ra là 1.270.351.841 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>287.440.745</b>	-
- Trích trước chi phí công trình điện Nam Viêm	287.440.745	-
<b>Dài hạn</b>	-	-
	<b>287.440.745</b>	-

**14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.613.769.142</b>	<b>800.541.578</b>
- Kinh phí công đoàn	315.266.598	198.203.021
- Bảo hiểm xã hội	445.946.817	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	852.555.727	602.338.557
+ UBND thị xã	50.000.000	50.000.000
+ Các khoản sửa chữa nhỏ	-	150.737.000
+ Chi cài tạo sân vườn	-	51.338.491
+ Lắp đèn pháo hoa	-	23.895.300
+ Phí vệ sinh môi trường	16.000.000	-
+ Tiền thuê đất 2011-2017 phải nộp	600.000.000	-
+ Khoản phải trả phải nộp khác	186.555.727	326.367.766
<b>Dài hạn</b>	-	-
	<b>1.613.769.142</b>	<b>800.541.578</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**15.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2016	20.739.852.567	2.264.208.752	2.568.802.811	25.572.864.130
- Lãi trong năm trước	-	-	528.892.934	528.892.934
- Trích lập các quỹ	-	416.811.606	(1.324.411.606)	(907.600.000)
- Cổ tức trong năm	-	-	(1.244.391.000)	(1.244.391.000)
- Tăng/ (Giảm) khác	(2.567)	2.567	-	-
31/12/2016	20.739.850.000	2.681.022.925	528.893.139	23.949.766.064
01/01/2017	20.739.850.000	2.681.022.925	528.893.139	23.949.766.064
- Lãi trong năm	-	-	1.058.380.460	1.058.380.460
31/12/2017	20.739.850.000	2.681.022.925	1.587.273.599	25.008.146.524

**15.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ủy Ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc	17.724.240.000	17.724.240.000
Cổ đông khác	3.015.610.000	3.015.610.000
	<b>20.739.850.000</b>	<b>20.739.850.000</b>

**15.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.739.850.000	20.739.850.000
+ Vốn góp đầu năm	20.739.850.000	20.739.852.567
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	2.567
+ Vốn góp cuối năm	20.739.850.000	20.739.850.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	2.568.802.606

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**15.4 CỔ PHIẾU**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>CP</b>	<b>CP</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.073.985	2.073.985
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.073.985	2.073.985
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.073.985	2.073.985
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.073.985	2.073.985
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.073.985	2.073.985
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**15.6 CÁC QUỸ**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ đầu tư phát triển	2.681.022.925	2.681.022.925

**16. DOANH THU BÁN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>45.999.952.059</b>	<b>50.199.276.610</b>
- Doanh thu dịch vụ môi trường	21.319.084.694	19.834.619.855
- Doanh thu phí vệ sinh môi trường	-	952.279.000
- Doanh thu dịch vụ cây xanh	9.052.437.596	10.952.159.601
- Doanh thu dịch vụ điện chiếu sáng công cộng	3.565.972.497	4.780.463.364
- Doanh thu dịch vụ thoát nước	1.155.334.436	1.462.926.857
- Doanh thu dịch vụ công ích khác	3.956.847.292	5.735.721.654
- Doanh thu dịch vụ thuê xe	1.378.336.363	1.370.595.454
- Doanh thu dịch vụ khác	1.980.899.181	2.026.066.818
- Doanh thu xây dựng công trình	3.591.040.000	3.084.444.007
	<b>45.999.952.059</b>	<b>50.199.276.610</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	-	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	39.183.470.284	44.073.570.275
	<b>39.183.470.284</b>	<b>44.073.570.275</b>

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	89.027.910	125.525.566
	<b>89.027.910</b>	<b>125.525.566</b>

**19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>5.460.235.037</b>	<b>5.554.125.032</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	2.583.808.852	2.423.918.798
- Chi phí đồ dùng văn phòng	100.815.759	103.658.200
- Chi phí khấu hao TSCĐ	308.278.000	324.461.000
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	887.190.901	893.923.976
- Chi phí bằng tiền khác	1.577.141.525	1.805.163.058
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**20. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Thu thanh lý tài sản cố định	100.208.000	-
- Các khoản khác	378.782.832	16.175.524
	<b>478.990.832</b>	<b>16.175.524</b>

**21. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Chi phí phạt chậm nộp Bảo hiểm	20.876.834	-
- Các khoản bị phạt thuế, chậm nộp thuế	275.743.296	-
- Các khoản chi phí khác	54.986.668	36.466.005
	<b>351.606.798</b>	<b>36.466.005</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.572.658.682</b>	<b>676.816.388</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>374.886.798</b>	<b>63.046.005</b>
- Các khoản chi phí phạt	351.606.798	-
- Thù lao HĐQT không tham gia điều hành Công ty	23.280.000	-
- Chi phí không hợp lý khác	-	63.046.005
<b>Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>245.124</b>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b>1.947.545.480</b>	<b>739.617.269</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>389.509.096</b>	<b>147.923.454</b>
<b>Truy thu thuế TNDN từ 2012 - 2016</b>	<b>124.769.126</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>514.278.222</b>	<b>147.923.454</b>

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.058.380.460	528.892.934
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	2.073.985	2.073.985
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>510</b>	<b>255</b>

**24. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	5.975.368.819	9.867.699.095
Chi phí nhân công	17.494.565.101	18.806.320.627
Khấu hao tài sản cố định	308.278.000	1.505.088.960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.256.702.995	15.450.437.349
Chi phí máy	3.936.473.801	2.189.986.218
Chi phí bằng tiền khác	1.732.998.670	1.808.163.058
	<b>43.704.387.386</b>	<b>49.627.695.307</b>

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lí rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.12.

**Các loại công cụ tài chính**

	31/12/2017 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.166.981.088	919.974.015
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.745.173.824	23.537.737.417
	<b>30.912.154.912</b>	<b>24.457.711.432</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	9.509.625.641	7.303.970.154
Chi phí phải trả	287.440.745	-
	<b>9.797.066.386</b>	<b>7.303.970.154</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>21.115.088.526</b>	<b>17.153.741.278</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro thị trường.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG  
VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ PHÚC YÊN**

Số 06, đường Quốc lộ 2, Làng Mới, phường Hùng Vương,  
thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>31/12/2017</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	9.509.625.641	-	9.509.625.641
Chi phí phải trả	287.440.745	-	287.440.745
	<b>9.797.066.386</b>	<b>-</b>	<b>9.797.066.386</b>
<b>01/01/2017</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	7.303.970.154	-	7.303.970.154
	<b>7.303.970.154</b>	<b>-</b>	<b>7.303.970.154</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>31/12/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.166.981.088	-	4.166.981.088
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.745.173.824	-	26.745.173.824
	<b>30.912.154.912</b>	<b>-</b>	<b>30.912.154.912</b>
<b>01/01/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	919.974.015	-	919.974.015
Phải thu khách hàng và phải thu khác	23.537.737.417	-	23.537.737.417
	<b>24.457.711.432</b>	<b>-</b>	<b>24.457.711.432</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**27. THÔNG TIN KHÁC**

**27.1 BÊN LIÊN QUAN**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Thu nhập của Hội đồng Quản trị, ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát</b>		
Tiền lương, thưởng	1.373.315.510	1.232.849.000

**27.2 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán. Trong năm 2017, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu phần chi phí hao mòn năm 2016 của các tài sản có giá trị lớn do nhà nước đầu tư xây dựng từ nguồn ngân sách nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế quản lý, khai thác theo Quy định tại Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung Thông tư 145/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Theo quy định tại Thông tư này, các tài sản được nhà nước giao sẽ ngừng trích hao mòn từ năm 2016, Thông tư không hướng dẫn điều chỉnh hồi tố đối với phân hao mòn đã trích trước đó, số liệu điều chỉnh lại như sau:

**CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

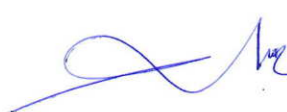
Chỉ tiêu	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	01/01/2017
			Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)
<b>TÀI SẢN</b>	<b>54.289.823.030</b>	<b>49.518.429.077</b>	<b>4.771.393.953</b>
Tài sản cố định hữu hình	20.699.819.673	15.928.425.720	4.771.393.953
- Giá trị hao mòn lũy kế	(65.055.307.068)	(69.826.701.021)	4.771.393.953
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>54.289.823.030</b>	<b>49.518.429.077</b>	<b>4.771.393.953</b>
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	12.690.657.253	7.919.263.300	4.771.393.953

Người lập biểu



Vũ Khắc Hòa

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Huệ

Phúc Yên, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Giám đốc



Nguyễn Huy Hải